



VIETRANSTIMEX
WE WHEEL THE INDUSTRIES

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm,
P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Tel : 0283 826 3621 Fax : 0283 826 3621

www.vietranstimex.com.vn sales@vietranstimex.com.vn

Số: ~~274~~ 274/2020/CV-VTX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX
Mã chứng khoán	VTX
Trụ sở chính	Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại	(028) 3826 3621
Fax:	(028) 3826 3622
Người công bố thông tin	Ông Bùi Quang Liên , Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.
Điện thoại	(028) 3826 3621
Fax	(028) 3826 3622
Loại thông tin công bố	<input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> 72 giờ <input type="checkbox"/> Yêu cầu <input type="checkbox"/> Bất thường <input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:	

- Báo cáo tài chính giữa niên độ (Trụ sở chính) của Công ty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://www.vietranstimex.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

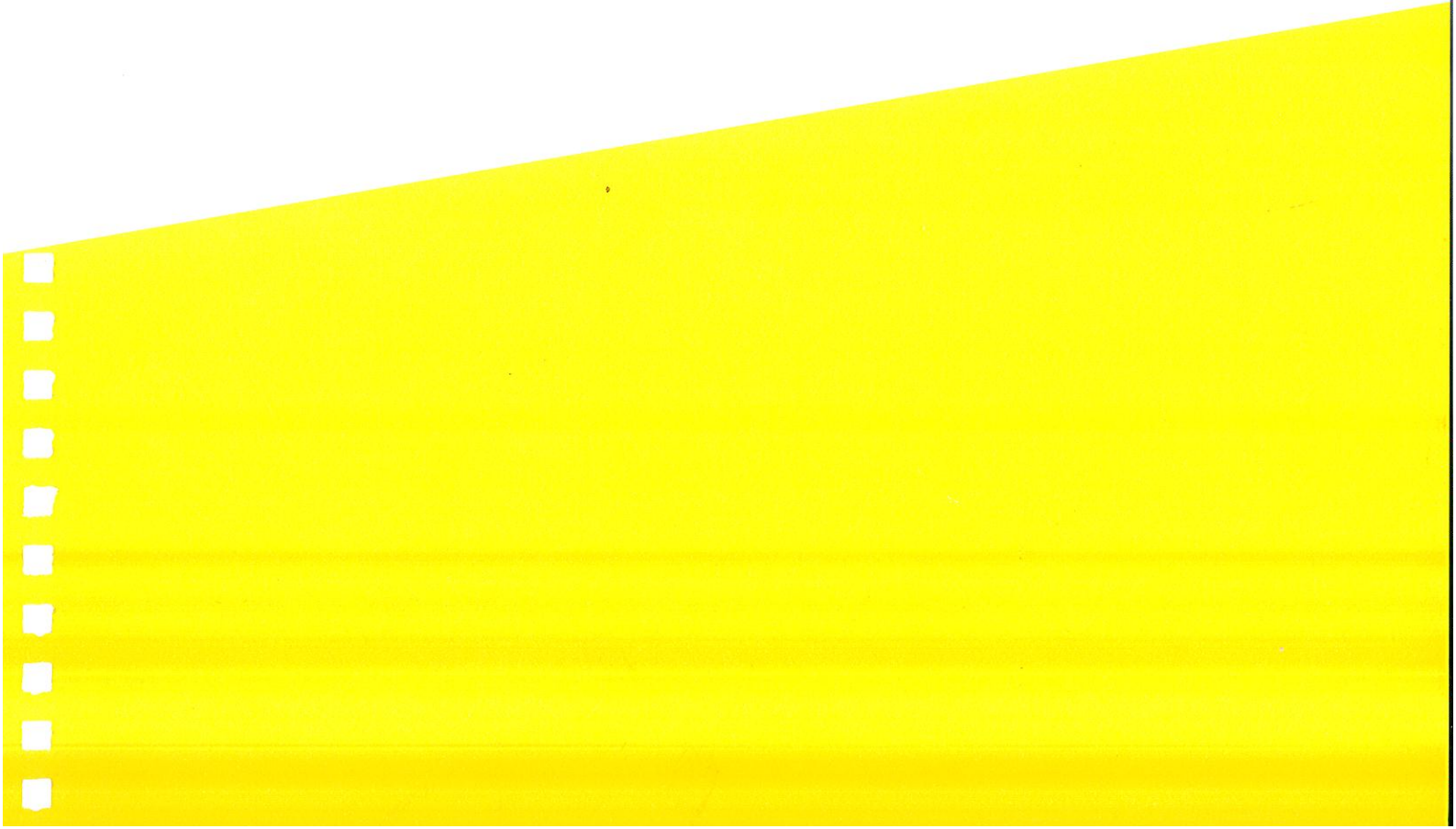
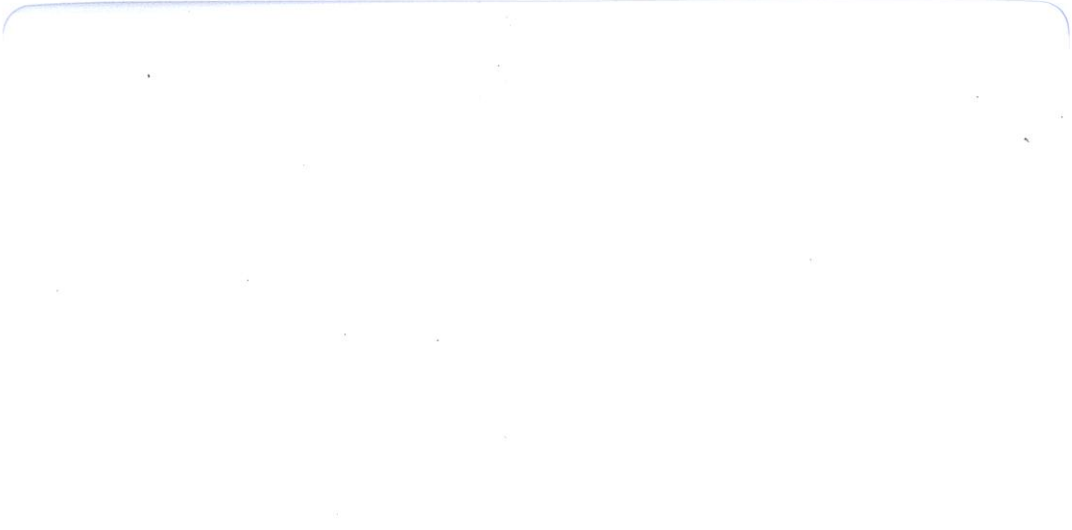
- Như trên;
- Lưu thư ký;
- Website Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**

Người được ủy quyền công bố thông tin



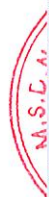
BUI QUANG LIEN



**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
Vietranstimex – Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 31

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex ("Công ty") tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh ("Trụ sở chính") và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi.

CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Bảo Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Liên
Ông Đỗ Hoàng Phương

từ ngày 7 tháng 7 năm 2020
đến ngày 6 tháng 7 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) cho kỳ kế toán sáu tháng chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Trụ sở chính trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Trụ sở chính, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Trụ sở chính và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61345701-22012343-LR-HO

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		191.429.359.392	171.770.996.760
110	I. Tiền	4	4.364.464.491	9.864.463.951
111	1. Tiền		4.364.464.491	9.864.463.951
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		20.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.687.237.538	147.034.243.437
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	98.873.971.206	126.312.964.210
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	5.094.397.819	11.543.073.155
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	8	13.812.359.832	1.706.072.820
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	28.316.096.785	27.320.109.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9	(22.409.588.104)	(19.847.976.210)
140	IV. Hàng tồn kho	10	31.375.209.443	14.383.811.922
141	1. Hàng tồn kho		31.375.209.443	14.383.811.922
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.002.447.920	488.477.450
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	11.015.133.321	488.477.450
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	987.314.599	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.163.365.935	119.509.371.561
210	I. Phải thu dài hạn	9	793.629.195	793.629.195
216	1. Phải thu dài hạn khác		793.629.195	793.629.195
220	II. Tài sản cố định		84.530.053.850	83.781.711.041
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	73.672.133.278	72.864.197.001
222	Nguyên giá		484.759.860.069	544.090.805.909
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(411.087.726.791)	(471.226.608.908)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.857.920.572	10.917.514.040
228	Nguyên giá		12.624.319.258	12.624.319.258
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.766.398.686)	(1.706.805.218)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	1.119.565.441	5.874.810.260
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.119.565.441	5.874.810.260
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		816.000.000	21.764.164.380
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	14.1	816.000.000	816.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	20.948.164.380
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.904.117.449	7.295.056.685
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	8.735.297.922	7.295.056.685
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	3.168.819.527	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.592.725.327	291.280.368.321

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		66.390.812.128	53.794.693.440
310	I. Nợ ngắn hạn		65.790.812.128	52.936.193.440
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	15.946.987.562	27.067.152.912
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	3.598.514.863	3.560.920.265
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	12.708.021	3.838.701.417
314	4. Phải trả người lao động		2.443.239.469	3.230.210.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.398.042.077	4.560.808.395
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	8	2.155.141.997	7.456.410.098
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.845.001.978	2.400.408.899
320	8. Vay ngắn hạn	21	36.185.654.374	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		205.521.787	821.581.454
330	II. Nợ dài hạn		600.000.000	858.500.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	-	258.500.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		600.000.000	600.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		224.201.913.199	237.485.674.881
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	224.201.913.199	237.485.674.881
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.130.962.649)	7.152.799.033
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.931.285.450	2.018.777.630
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(13.062.248.099)	5.134.021.403
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.592.725.327	291.280.368.321



Lê Quang Vương
Người lập



Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	23.1	80.404.203.121	115.309.538.024
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	24	(84.439.718.583)	(106.998.478.901)
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		(4.035.515.462)	8.311.059.123
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.172.486.527	1.251.493.872
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(464.695.911) (391.670.855)	(173.587.641) (166.472.040)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(15.795.188.775)	(13.984.548.208)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.122.913.621)	(4.595.582.854)
31	8. Thu nhập khác	28	3.126.223.584	21.543.971
32	9. Chi phí khác	28	(234.377.589)	(50.868.957)
40	10. Lợi nhuận (lỗ) khác	28	2.891.845.995	(29.324.986)
50	11. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(16.231.067.626)	(4.624.907.840)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	-
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	3.168.819.527	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(13.062.248.099)	(4.624.907.840)

Lê Quang Vương
Người lập

Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		(16.231.067.626)	(4.624.907.840)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	8.399.160.149	8.636.823.724
03	Các khoản dự phòng		2.561.611.894	1.835.187.181
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.037.987	(27.609.184)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(792.328.011)	(1.089.051.606)
06	Chi phí lãi vay	25	391.670.855	166.472.040
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.666.914.752)	4.896.914.315
09	Giảm các khoản phải thu		19.644.384.128	30.759.381.802
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(16.991.397.521)	5.372.589.498
11	Giảm các khoản phải trả		(22.140.602.540)	(23.468.120.488)
12	Tăng chi phí trả trước		(11.966.897.108)	(675.446.724)
14	Tiền lãi vay đã trả		(374.491.426)	(168.754.488)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.068.689.541)	(2.119.521.615)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(616.059.668)	(172.348.426)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(39.180.668.428)	14.424.693.874
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.392.258.139)	(5.092.807.566)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		787.272.728	-
24	Tiền thu hồi trái phiếu đáo hạn		-	15.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay và trái phiếu		1.099.959.389	1.574.973.587
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(2.505.026.022)	11.482.166.021

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		41.960.545.640	16.695.693.603
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.774.891.266)	(29.053.887.714)
36	Cổ tức đã trả		-	(824.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		36.185.654.374	(12.359.018.711)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.500.040.076)	13.547.841.184
60	Tiền đầu kỳ		9.864.463.951	37.638.475.959
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		40.616	(21.739.923)
70	Tiền cuối kỳ	4	4.364.464.491	51.164.577.220



Lê Quang Vương
Người lập



Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng. Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Trụ sở chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và Trụ sở chính là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 9 Tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Trụ sở chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 203 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 233).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”) và được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Trụ sở chính là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước cụ dụng cụ

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Trụ sở chính dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Trụ sở chính dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Trụ sở chính mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Trụ sở chính và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Trụ sở chính đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng chung

Trụ sở chính ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Trụ sở chính có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trụ sở chính có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	974.474.303	208.928.000
Tiền gửi ngân hàng	3.389.990.188	9.655.535.951
TỔNG CỘNG	4.364.464.491	9.864.463.951

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của hai mươi (20) trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco & More, có kỳ hạn gốc ba (3) năm, hiện hưởng lãi suất 10,4%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu khách hàng		
<i>Cosco Logistics Kunming Co., Ltd</i>	18.285.164.327	27.451.026.309
<i>Công ty Cổ phần Beton 6</i>	8.195.337.277	8.195.337.277
<i>Chi nhánh Miền Trung Công ty Cổ phần</i>		
<i>Tập đoàn ĐTXDPT Đông Đô</i>	6.000.000.000	6.759.000.000
<i>Công ty Cổ phần IBS EC</i>	5.040.189.119	5.040.189.119
<i>Khác</i>	59.140.844.483	66.620.376.505
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	<u>2.212.436.000</u>	<u>12.247.035.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>98.873.971.206</u>	<u>126.312.964.210</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(21.009.588.104)</u>	<u>(18.447.976.210)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>77.864.383.102</u>	<u>107.864.988.000</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty CP Đầu tư và tiếp vận Tín Nghĩa	3.000.000.000	-
EPC Global Shipping Company Limited	607.306.536	607.306.536
P and J Corporation Limited	-	3.003.290.550
Shanghai Supro Heavy Machinery And Equipment Co., Ltd	-	2.320.677.000
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	-	2.275.476.451
Khác	<u>1.487.091.283</u>	<u>3.336.322.618</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.094.397.819</u>	<u>11.543.073.155</u>

8. PHẢI THU, PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu	13.812.359.832	1.706.072.820
Chi nhánh Miền Bắc	7.439.502.737	-
Chi nhánh Miền Trung	6.372.857.095	1.706.072.820
Phải trả	2.155.141.997	7.456.410.098
Chi nhánh Miền Bắc	2.064.536.771	7.456.410.098
Chi nhánh Miền Trung	90.605.226	-

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	28.316.096.785	27.320.109.462
Tạm ứng nhân viên	18.928.076.220	18.768.337.513
Chi hộ khách hàng	5.666.280.067	7.855.026.966
Ký cược, ký quỹ	144.400.000	-
Lãi dự thu	-	146.739.726
Khác	3.577.340.498	550.005.257
Dài hạn	793.629.195	793.629.195
Ký quỹ, ký cược	793.629.195	793.629.195
TỔNG CỘNG	29.109.725.980	28.113.738.657
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	27.709.725.980	26.713.738.657
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.680.000.000</i>
<i>Bên khác</i>	<i>24.709.725.980</i>	<i>23.033.738.657</i>

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.920.910.688	3.889.428.401
Nguyên vật liệu	10.323.734.755	10.494.383.521
Công cụ, dụng cụ	130.564.000	-
TỔNG CỘNG	31.375.209.443	14.383.811.922

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	29.738.381.767	35.743.030.851	477.199.426.059	1.409.967.232	544.090.805.909
Mua trong năm	-	-	8.506.704.892	215.636.364	8.722.341.256
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	5.719.584.819	-	5.719.584.819
Thanh lý	-	-	(2.830.000.000)	-	(2.830.000.000)
Điều chuyển cho chi nhánh Miền Bắc	-	(1.890.135.637)	(69.052.736.278)	-	(70.942.871.915)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	29.738.381.767	33.852.895.214	419.542.979.492	1.625.603.596	484.759.860.069
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	271.685.455	30.590.855.804	326.265.203.577	1.074.923.596	358.202.668.432
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(18.904.064.024)	(32.439.158.086)	(418.742.444.437)	(1.140.942.361)	(471.226.608.908)
Khấu hao trong kỳ	(1.051.846.550)	(253.751.840)	(6.974.695.231)	(59.273.060)	(8.339.566.681)
Thanh lý	-	-	2.830.000.000	-	2.830.000.000
Điều chuyển cho chi nhánh Miền Bắc	-	1.533.200.193	64.115.248.605	-	65.648.448.798
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	(19.955.910.574)	(31.159.709.733)	(358.771.891.063)	(1.200.215.421)	(411.087.726.791)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	10.834.317.743	3.303.872.765	58.456.981.622	269.024.871	72.864.197.001
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	9.782.471.193	2.693.185.481	60.771.088.429	425.388.175	73.672.133.278

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>10.678.204.185</u>	<u>1.946.115.073</u>	<u>12.624.319.258</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.396.847.073	1.396.847.073
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	(1.706.805.218)	(1.706.805.218)
Hao mòn trong kỳ	-	(59.593.468)	(59.593.468)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	<u>(1.766.398.686)</u>	<u>(1.766.398.686)</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>10.678.204.185</u>	<u>239.309.855</u>	<u>10.917.514.040</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>10.678.204.185</u>	<u>179.716.387</u>	<u>10.857.920.572</u>

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 20*.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh

<i>Tên công ty liên doanh</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>
		%	VND	%	VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	11.015.133.321	488.477.450
Chi phí bảo hiểm	8.949.961.735	1.909.093
Chi phí sử dụng đường bộ	174.336.774	119.511.538
Chi phí khác	1.890.834.812	367.056.819
Dài hạn	8.735.297.922	7.295.056.685
Chi phí công cụ dụng cụ	2.822.823.121	3.101.207.800
Chi phí thuê đất	2.394.120.835	2.428.818.241
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	503.723.818	776.620.110
Khác	3.014.630.148	988.410.534
TỔNG CỘNG	19.750.431.243	7.783.534.135

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả nhà cung cấp	15.028.140.035	26.316.835.412
<i>Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7</i>	7.376.509.621	7.886.103.372
<i>Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí</i>		
<i>Tổng hợp Phú Mỹ</i>	936.550.312	-
<i>Công ty Cổ phần Hàng hải và Dịch vụ</i>		
<i>Kỹ thuật TJS</i>	646.400.000	896.400.000
<i>Công ty TNHH Vận tải Công Thành</i>	176.880.000	1.365.375.000
<i>Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận tải</i>		
<i>Thành Nhân</i>	146.623.320	1.561.724.820
<i>Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương</i>		
<i>Đông Việt</i>	-	1.761.849.725
<i>Công ty TNHH Vận tải Đường biển</i>		
<i>Đường bộ Minh Phương</i>	-	1.390.000.000
<i>Khác</i>	5.745.176.782	11.455.382.495
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	918.847.527	750.317.500
TỔNG CỘNG	15.946.987.562	27.067.152.912

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bên khác	3.598.514.863	1.423.920.265
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC</i>	1.973.160.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp</i>		
<i>Hóa Chất</i>	920.502.500	920.502.500
<i>Khác</i>	704.852.363	503.417.765
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	-	2.137.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.598.514.863</u>	<u>3.560.920.265</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế giá trị gia tăng	2.700.078.446	(8.287.227.561)	4.599.834.516	(987.314.599)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.068.689.541	-	(1.068.689.541)	-
Thuế thu nhập cá nhân	69.933.430	448.440.159	(505.665.568)	12.708.021
Khác	-	137.346.035	(137.346.035)	-
TỔNG CỘNG	<u>3.838.701.417</u>	<u>(7.701.441.367)</u>	<u>2.888.133.372</u>	<u>(974.606.578)</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	-	8.361.293.470	(7.373.978.871)	987.314.599
<i>Phải trả</i>	3.838.701.417	659.852.103	(4.485.845.499)	12.708.021

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí thầu phụ	2.377.021.458	4.556.967.205
Khác	21.020.619	3.841.190
TỔNG CỘNG	<u>2.398.042.077</u>	<u>4.560.808.395</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn	2.845.001.978	2.400.408.899
Cổ tức phải trả	573.468.776	573.468.776
Kinh phí công đoàn	740.028.733	491.976.720
Khác	1.531.504.469	1.334.963.403
Dài hạn	-	258.500.000
Khác	-	258.500.000
TỔNG CỘNG	2.845.001.978	2.658.908.899
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	816.000.000	816.000.000
<i>Phải trả bên khác</i>	2.029.001.978	1.842.908.899

21. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Vay ngân hàng	<u>36.185.654.374</u>	<u>-</u>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>36.185.654.374</u>	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2020 tới ngày 30 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất

Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và tính theo lãi suất 6,5%/năm.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lũy kế)	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	5.272.652.016	235.605.527.864
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(4.624.907.840)	(4.624.907.840)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(304.510.627)	(304.510.627)
Lợi nhuận chi nhánh	-	-	-	4.979.911.719	4.979.911.719
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	5.323.145.268	235.656.021.116
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	7.152.799.033	237.485.674.881
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(13.062.248.099)	(13.062.248.099)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(221.513.583)	(221.513.583)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	(6.130.962.649)	224.201.913.199

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê	<u>80.404.203.121</u>	<u>115.309.538.024</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lãi trái phiếu	970.739.730	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	196.691.514	162.442.266
Lãi tiền gửi	<u>5.055.283</u>	<u>1.089.051.606</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.172.486.527</u>	<u>1.251.493.872</u>

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê	<u>84.439.718.583</u>	<u>106.998.478.901</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	391.670.855	166.472.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<u>73.025.056</u>	<u>7.115.601</u>
TỔNG CỘNG	<u>464.695.911</u>	<u>173.587.641</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên	8.515.488.561	9.366.633.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.384.973.833	1.911.895.326
Dự phòng phải thu khó đòi	2.561.611.894	1.835.187.181
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.851.291	119.727.283
Chi phí khấu hao và hao mòn	706.300.374	294.050.640
Khác	449.962.822	457.054.072
TỔNG CỘNG	<u>15.795.188.775</u>	<u>13.984.548.208</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	63.748.013.762	77.277.691.599
Chi phí nhân viên	20.601.789.635	25.206.989.467
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	8.399.160.149	8.636.823.724
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	2.596.890.129	6.094.383.154
Chi phí khác	4.889.053.683	3.767.139.165
TỔNG CỘNG	<u>100.234.907.358</u>	<u>120.983.027.109</u>

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Thu nhập khác	3.126.223.584	21.543.971
Tiền bồi thường thu được	2.268.621.564	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	787.272.728	-
Thu nhập khác	70.329.292	21.543.971
Chi phí khác	(234.377.589)	(50.868.957)
Chi phí nộp phạt	(174.956.009)	(37.780.338)
Chi phí khác	(59.421.580)	(13.088.619)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>2.891.845.995</u>	<u>(29.324.986)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Trụ sở chính sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.168.819.527	-
TỔNG CỘNG	3.168.819.527	-

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(16.231.067.626)	(4.624.907.840)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Trụ sở chính	(3.246.213.525)	(924.981.568)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	77.393.998	38.779.619
Lỗ không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	886.201.949
Chi phí thuế TNDN	(3.168.819.527)	-

29.2 Lỗ thuế

Lỗ thuế của Trụ sở chính khác với lỗ kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Trụ sở chính đã ghi nhận khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
	VND			
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	3.168.819.527	-	3.168.819.527	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	3.168.819.527	-		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ			3.168.819.527	-

29.4 Lỗi thuế chuyển sang các năm sau

Trụ sở chính được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 15.844.097.634 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế (*)	<i>Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		<i>Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	
			<i>Không được chuyển lỗi</i>	<i>Chưa chuyển lỗi</i>		
2020	2025	15.844.097.634	-	-	15.844.097.634	

(*) Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế tạm tính của Trụ sở chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Trụ sở chính có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Trụ sở chính với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê dịch vụ vận chuyển	5.130.605.642	43.000.000
		Cho thuê phương tiện	331.818.182	589.090.910
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	13.800.000	1.712.000.000
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.708.900.000	2.333.090.909
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi đầu tư trái phiếu	970.739.730	370.239.584
		Thanh toán lãi trái phiếu phát hành	948.164.380	-
		Trái phiếu đáo hạn	-	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho thuê phương tiện	142.350.000	300.000.000
		Thuê văn phòng	-	207.951.642
		Thuê kho Long An	-	74.311.290

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –
Trụ sở chính

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.671.500.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	540.936.000	2.157.035.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	10.090.000.000
			2.212.436.000	12.247.035.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Đỗ Hoàng Phương	Chủ tịch HĐQT trước đây	Tạm ứng	2.000.000.000	2.680.000.000
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.000.000.000	1.000.000.000
			3.000.000.000	3.680.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Công ty trong cùng Tập đoàn	Trái phiếu	20.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê dịch vụ vận chuyển	915.767.727	736.457.500
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thuê kho	3.079.800	13.860.000
			918.847.527	750.317.500
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	2.137.000.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Chi trả hộ	816.000.000	816.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Trụ sở chính hiện đang thuê văn phòng, kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đến 1 năm	1.227.082.892	3.069.344.112
Từ 2 đến 5 năm	2.270.164.520	3.413.483.920
Trên 5 năm	8.938.772.798	9.790.084.493
TỔNG CỘNG	<u>12.436.020.210</u>	<u>16.272.912.525</u>

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính.



Lê Quang Vương
Người lập



Thái Thị Ban Mai
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2020

About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2019 Ernst & Young Vietnam Limited
All Rights Reserved.

ey.com